

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT TÍNH THỐNG NHẤT TRONG BIÊN MỤC

*Hoàng Thị Hoà**

1. Sơ lược lý luận chung về kiểm soát tính thống nhất

Trong nhiều thập kỷ qua, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và viễn thông đã có ảnh hưởng sâu sắc tới việc quản trị thư viện nói chung và công tác biên mục nói riêng. Các thư viện trên toàn cầu đã có thể chia sẻ tài nguyên với nhau một cách dễ dàng. Do đó việc tiêu chuẩn hoá ở quy mô quốc gia và quốc tế là yêu cầu và điều kiện không thể thiếu được của các hệ thống thông tin thư viện. Điều đó có nghĩa là, muốn hội nhập và chia sẻ thông tin, rất cần những tiêu chuẩn chung về xử lý thông tin tư liệu, tạo lập các cơ sở dữ liệu (CSDL) trong các thư viện và cơ quan thông tin, dựa trên những nguyên tắc chung về kiểm soát tính thống nhất về biên mục.

Trên thế giới, vấn đề kiểm soát tính thống nhất hay tính nhất quán của các tiêu đề hay điểm truy nhập đã được đặt ra cách đây từ khoảng những năm 1980 của thế kỷ trước, và ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Trong những năm gần đây, một cái nhìn mới về kiểm soát thư mục toàn cầu (Universal Bibliographic Control) từ Liên Hiệp hội Thư viện thế giới (IFLA) đã làm tăng cường sự quan trọng của vấn đề tiêu đề chuẩn, vì nó đặt lợi ích của người sử dụng lên hàng đầu. Các thư viện ở nhiều nước đều theo xu hướng chung là áp dụng các quy tắc mô tả thư mục tiêu chuẩn quốc tế (ISBD), và quy tắc biên mục Anh-Mỹ (AACR2) làm cơ sở để xây dựng hộp phiếu hay tệp quy định tính thống nhất.

Một số cơ quan thương mại và dịch vụ thư mục đã có các chương trình kiểm soát tính thống nhất ở trình độ phát triển cao. Như ở Mỹ, Trung tâm thư viện tin học hoá trực tuyến (OCLC) và Mạng thông tin của các thư viện nghiên cứu (RLIN) đã thường xuyên cung cấp cho các thành viên trong mạng lưới của họ tệp kiểm soát tính thống nhất (KSTTN) trực tuyến của Thư viện Quốc hội Mỹ và tệp KSTTN do họ xây dựng.

Mục đích của các hộp phiếu hay tệp quy định tính thống nhất là để chuẩn hoá và kiểm tra tính thống nhất của việc sử dụng tên người, nhan đề, từ khoá, đề mục chủ đề và các tham chiếu giữa các chủ đề hay từ khoá dùng làm các điểm truy nhập để tìm tin.

Kiểm soát tính thống nhất là quá trình đảm bảo sự nhất quán trong khi diễn đạt một điểm truy nhập, cho thấy mối quan hệ giữa các tên riêng, các tác phẩm hay chủ đề dựa trên các quy tắc mô tả (đã đề cập ở trên), hay khung đề

* ThS. Trưởng phòng Phân loại, Trung tâm TT-TV, ĐHQGHN

mục chủ đề (thí dụ Khung đề mục chủ đề của Thư viện Quốc hội Mỹ LCSH), bộ từ khoá có kiểm soát, từ điển từ chuNh (thesaurus), hoặc bằng cách tra cứu hộp phiếu hay tệp quy định tính thống nhất.

Hộp phiếu hay tệp quy định tính thống nhất là một tập hợp các biểu ghi về các hình thức hay dạng tên người, nhan đề hay chủ đề được lựa chọn dùng trong mục lục.

Nhờ có KSTTN mà biên mục vượt ra ngoài khuôn khổ của quá trình tạo lập một loạt các biểu ghi phản ánh các tư liệu rời rạc, không có liên hệ với nhau. Chính các tiêu đề thống nhất và các tham chiếu đã tạo ra mối liên hệ giữa các tư liệu được biên mục. Đối với các thư viện lớn, công cụ KSTTN đóng vai trò đặc biệt quan trọng khi phát triển các hệ thống thông tin trực tuyến, vì tiêu chuNh hoá và tính nhất quán của các điểm truy nhập là những yếu tố rất cơ bản để tìm tin có hiệu quả. Với những mục lục lên tới hàng ngàn, hàng vạn biểu ghi, nếu không có các công cụ kiểm soát tính nhất quán thì sẽ làm giảm chất lượng của bộ máy tra cứu, dẫn đến hiện tượng tản mạn hoặc mất tin. Như vậy, các tệp (files) trực tuyến kiểm soát tính nhất quán có tác dụng là:

- Để công việc biên mục (và tìm kiếm) trong các mạng thư viện hiệu quả hơn
- Giảm thiểu công sức tạo lập các tiêu đề
- Tránh trùng lặp
- Nâng cao chất lượng của mục lục thư viện.

2. Thực tiễn công tác KSTTN ở Việt Nam

Các cơ quan thông tin và thư viện ở Việt Nam đã bắt đầu hoạt động tin học hoá từ những năm 1980 với việc xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) thư mục và liên kết mạng. Tuy nhiên, cho đến nay, công tác KSTTN nhìn chung vẫn chưa thực sự được chú trọng. Chỉ có một số ít thư viện lớn xây dựng hồ sơ KSTTN dưới hình thức hộp phiếu. Do nhiều nguyên nhân khác nhau như thiếu nhân lực và kinh phí, sự phát triển mang tính tự phát, thiếu sự phối kết hợp, và điểm nổi bật nhất là các thư viện chưa chuyển sang xây dựng các tệp KSTTN thao tác trên mạng (kiểm soát trực tuyến), tuân thủ chặt chẽ các quy tắc biên mục hiện hành, nên những hộp phiếu này vẫn mang tính chất đơn lẻ, chủ yếu được sử dụng cục bộ ở từng thư viện. Điều đó cho thấy việc xây dựng hồ sơ hay tệp KSTTN chưa được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác biên mục của các thư viện Việt Nam.

Trung tâm Thông tin Thư viện, ĐHQGHN cũng đang nằm trong bối cảnh nêu trên. Từ khi triển khai hoạt động tin học hoá thư viện, đến nay Trung tâm đã có CSDL trên 80.000 biểu ghi các dạng tài liệu, đồng thời cũng khai thác một số CSDL khác ở trong nước và nước ngoài, phục vụ công tác đào tạo,

NCKH. Về biên mục, Trung tâm đã triển khai áp dụng một số chuẩn nghiệp vụ tiên tiến như Khung phân loại thập phân Dewey, khổ mẫu biên mục MARC 21, từng bước áp dụng một số yếu tố của Quy tắc AACR2. Nhờ đó, chất lượng CSDL của Trung tâm đã được nâng lên một bước đáng kể, có thể chia sẻ được với các thư viện khác.

Một ví dụ về hình thức lập tiêu đề mô tả cho tác giả cá nhân và tập thể áp dụng theo AACR2 và MARC 21 ở Trung tâm:

1- Tác giả cá nhân (*Tên người Việt Nam*):

Trường MARC 21	Chỉ thị	Mô tả hiện tại của Trung tâm	Mô tả theo AACR2
100	1#	\$aHồ, Chí Minh	\$aHồ, Chí Minh,\$d1890-1969
100	1#	\$aNguyễn, Du	\$aNguyễn, Du,\$d1765-1820
100	0#	\$aNam Cao	\$aNam Cao,\$d1917-1951

2. Tác giả tập thể: Chỉ lựa chọn và lập tiêu đề đối với một số tác giả tập thể tiêu biểu, ví dụ: Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội.

110 1# \$aĐảng Cộng sản Việt Nam

110 2# \$aTrường ĐHKHTN.\$bĐại học Quốc gia Hà Nội.

Vấn đề KSTTN theo nội dung

Về phân loại tài liệu:

Lâu nay kiểm soát biên mục theo nội dung là vấn đề khó khăn và phức tạp đối với các thư viện trong nước nói chung và ở Trung tâm nói riêng. Ngay từ khi mới thành lập, Trung tâm đã nghiên cứu và mạnh dạn thử nghiệm áp dụng Khung phân loại Dewey (bản lưu hành nội bộ, và kết hợp tham khảo bộ DDC đầy đủ ấn bản lần thứ 21) để phân loại tài liệu. Bảng phân loại này thực sự đã đóng vai trò quan trọng, là một công cụ tổ chức vốn tài liệu hữu ích. Đây cũng là tiền đề rất tốt để Trung tâm dễ dàng, nhanh chóng áp dụng chính thức Khung phân loại DDC tóm lược 14 đã được dịch ra tiếng Việt, tuân theo yêu cầu sử dụng thống nhất một khung phân loại trong tất cả các thư viện Việt Nam, bắt đầu từ năm 2007 trở đi.

Về từ khoá có kiểm soát:

Trong hệ thống thông tin quốc gia ở Việt Nam, cho đến nay chưa có bộ từ điển từ khoá chung, bao quát đầy đủ các lĩnh vực khoa học. Gần đây, Trung tâm có sử dụng các bộ từ khoá do Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia và Thư viện Quốc gia Việt Nam biên soạn làm tài liệu tham khảo khi xây dựng CSDL. Cùng với các loại từ điển, bách khoa thư khác, các bộ từ khoá

này là những công cụ rất bổ ích, giúp từng bước kiểm soát tính tự do của từ khoá được nhập vào CSDL. Tuy nhiên, các bộ từ khoá này bao quát diện đề tài chủ yếu về lĩnh vực khoa học kỹ thuật hoặc về khoa học xã hội riêng rẽ, do đó chưa thực sự phù hợp và sát thực với đặc thù tài liệu về chủ đề ngành học, môn học và các lĩnh vực nghiên cứu ở ĐHQGHN. Một đặc điểm dễ nhận thấy là việc sử dụng từ khoá trong mô tả tài liệu tại Trung tâm Thông tin Thư viện hiện nay chưa quy được về chủ đề ngành học. Nhu cầu bức thiết đặt ra đối với Trung tâm cần nhanh chóng tiến hành xây dựng bộ từ khoá kiểm soát, thể hiện đầy đủ chủ đề của các ngành, môn học, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng xử lý tài liệu, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu sử dụng thông tin phục vụ đào tạo và NCKH của ĐHQGHN.

Về sử dụng đề mục chủ đề:

Bên cạnh việc cần thiết xây dựng và hoàn thiện công cụ từ khoá có kiểm soát, Trung tâm cần chú ý bị để có thể áp dụng bộ đề mục chủ đề (Subject Headings). Thời gian qua, Trung tâm chưa có điều kiện để sử dụng đề mục chủ đề trong biên mục. Tuy nhiên, việc chuyển nghĩa từ tiếng Anh cho các tài liệu tiếng Việt hoàn toàn không đơn giản. Cần có kế hoạch nghiên cứu một cách kỹ càng về phương pháp luận và xây dựng kế hoạch chi tiết cho các bước đi thích hợp, trên cơ sở tham khảo, học tập cách làm của các thư viện khác trong nước đã áp dụng bộ đề mục chủ đề.

3. Kết luận và kiến nghị

Bước đầu trong biên mục mô tả, Trung tâm đã nghiên cứu áp dụng một số yếu tố của AACR2 như chú trọng lập các tiêu đề tên tác giả cá nhân (và lựa chọn một số tên tác giả tập thể tiêu biểu), với 2 dạng tên gồm *Họ* và tên không gồm *Họ* làm *dẫn tố*, có dấu phẩy ngăn cách giữa *dẫn tố* và thành phần còn lại của tên tác giả. Tuy nhiên, việc thiết lập các tiêu đề nói trên trong hầu hết biểu ghi thư mục chưa triệt để theo AACR2, vì chưa tập hợp và điền yếu tố năm sinh (năm mất) của tác giả đi kèm với tên riêng. Do đó, công tác biên mục và tìm tin chưa đạt hiệu quả thật sự như mong muốn. Một trong những nguyên nhân dễ nhận thấy nhất là Trung tâm chưa thiết lập được hồ sơ KSTTN chuẩn để áp dụng trong công tác biên mục tài liệu và tra cứu thông tin. Việc KSTTN mới chỉ dừng lại ở các quy định nội bộ, tạm thời, còn tản mạn, chưa trở thành hệ thống mang tính nhất quán. Thực tế này đã dẫn đến nhiều bất cập cho người sử dụng tài liệu thư viện.

Từ thực trạng nêu trên, một yêu cầu cấp thiết đặt ra cho Trung tâm TT-TV hiện nay là cần nhanh chóng xây dựng các tệp kiểm soát tính nhất quán về tên người, tên cơ quan tổ chức để có sự thống nhất, phục vụ thiết thực cho công tác biên mục và tra cứu tìm tin. Chúng sẽ là công cụ hiệu quả, giúp tiết

kiệm chi phí, công sức tạo lập tiêu đề truy cập, tránh trùng lặp và nâng cao chất lượng mục lục thư viện. Đồng thời cần triển khai xây dựng và hoàn thiện bộ từ khoá có kiểm soát về các ngành học và lĩnh vực nghiên cứu của ĐHQGHN. Trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay, các thư viện Việt Nam nói chung, Trung tâm nói riêng cần nhanh chóng nắm bắt xu thế phát triển và áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn chung về quản lý, khai thác thông tin. Trung tâm có vai trò không chỉ là đơn vị tổ chức thông tin, mà quan trọng hơn hết là cung cấp dịch vụ truy cập thông tin, đảm bảo thông tin cho công tác đào tạo và NCKH của ĐHQGHN.

Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình biên mục mô tả / Vũ Văn Sơn. - H. : ĐHQGHN, 2000. - 284 tr.
2. Một số quan niệm và khái niệm biên mục trong quá trình phát triển / Vũ Văn Sơn // Tạp chí Thông tin & Tư liệu. - 1998, số 3. - tr. 3-6.
3. Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2 và thực tiễn biên mục Việt Nam / Vũ Văn Sơn // Tạp chí Thông tin & Tư liệu. - 2002, số 3
<http://www.clst.ac.vn/AP/tapchitrongnuoc/tttl/2002/s3/bt.htm>
4. Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm : dùng cho mục lục thư viện / Thư viện Quốc gia Việt Nam. - H., 1994. - 115 tr.
5. German Authority Work and Control / Monika Muennich // OCLC Authority Control in the 21st Century: An Invitational Conference
6. International Shared Resource Records for Controlled Access / Barbara B. Tillet // OCLC Authority Control in the 21st Century: An Invitational Conference.
7. The concise AACR2. - 1998 revision. - Chicago : ALA, 1988. - XV, 168 p.
8. The Organization of Information / Arlene G. Taylor. - Englewood, Colorado : Library Unlimited, 1999. - 417 p.
9. <http://www.purl.org/oclc/cataloging/>